

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **67/2023/DS-ST**
Ngày: 21-8-2023
V/v “**Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản**”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Phương;

Ông Nguyễn Xuân Hình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phí Hoàng Tuấn – Là thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà My La – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2023/TLST-DS ngày 13/3/2023 về việc “**Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2023/QĐXXST-DS ngày 14/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2023/QĐST-DS ngày 07/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Dương Văn M, sinh năm: 1980; địa chỉ: Đường N, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông K’ Đ, bà Ka N; địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.
Anh M có mặt, ông K’ Đ, bà Ka N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Dương Văn M trình bày thì:

Ngày 18/12/2019 vợ chồng ông K’ Đ, bà Ka N có vay của anh số tiền 692.900.000 đồng, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, mục đích vay để vợ chồng ông K’ Đ, bà Ka N đáo hạn Ngân hàng, thời hạn trả nợ vào ngày 20/01/2020.

Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông K' Đ, bà Ka N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết mặc dù anh đã nhiều lần yêu cầu trả nợ.

Khi vay vợ chồng ông K' Đ, bà Ka N có thể chấp cho anh một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc thế chấp chỉ giao nhận với nhau, không lập hợp đồng thế chấp, không đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Anh khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc vợ chồng ông K' Đ, bà Ka N có trách nhiệm trả cho anh tổng số tiền là 917.191.730 đồng (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 692.900.000 đồng, tiền nợ lãi tính từ ngày 21/01/2020 đến ngày 14/7/2023 với mức lãi suất 0,83%/tháng là 224.291.730 đồng).

Đối với yêu cầu vợ chồng ông K' Đ, bà Ka N trả chi phí đi lại trong thời gian anh khởi kiện tại Toà án với số tiền là 2.000.000 đồng thì anh xin rút yêu cầu khởi kiện này, không yêu cầu trả nữa.

Theo bản tự khai và lời trình bày của bị đơn bà Ka N thì: Vào ngày 18/12/2019 vợ chồng bà có vay của anh Dương Văn M số tiền 400.000.000 đồng. Khi vay vợ chồng bà có viết giấy vay tiền và vợ chồng bà có ký tên, điểm chỉ vào giấy vay tiền, sau đó đưa giấy vay tiền này cho anh M giữ. Mục đích vợ chồng bà vay số tiền của anh M để đáo hạn Ngân hàng. Khi vay vợ chồng bà không ghi lãi suất vay trong giấy vay tiền nhưng hai bên thoả thuận bên ngoài là lãi suất 3.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 20/01/2020 sẽ trả nợ nhưng sau khi vợ chồng bà trả nợ cho Ngân hàng xong thì Ngân hàng không cho vợ chồng bà vay lại nữa nên vợ chồng bà không trả được nợ cho anh M. Khi viết giấy vay tiền này thì mỗi bên giữ một bản nhưng sau đó anh M nói bà viết sai chính tả nhiều nên yêu cầu bà viết lại giấy vay tiền và mang hợp đồng vay tiền đến nhà bà bắt buộc, yêu cầu vợ chồng bà phải viết trong hợp đồng vay tiền với số tiền vay là 692.900.000 đồng vào ngày 18/12/2019 và lấy lại giấy vay tiền mà vợ chồng bà vay với số tiền là 400.000.000 đồng rồi nên không còn. Khi vợ chồng bà bị anh M ép viết giấy vay tiền ghi ngày 18/12/2019 thì vợ chồng bà không có chứng cứ chứng minh, cũng không trình báo với chính quyền địa phương.

Khi vay vợ chồng bà có thể chấp cho anh M một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc thế chấp chỉ giao nhận với nhau, không lập hợp đồng thế chấp, không đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà đã thế chấp cho anh M nên không nhớ số, ngày cấp. Bà không có ý kiến gì đối với việc thế chấp này.

Sau khi vay, vợ chồng bà đã trả cho anh M số tiền 74.000.000 đồng nhưng bà không nhớ thời gian trả, khi trả vợ chồng bà cũng không yêu cầu anh M viết giấy nhận tiền. Tất cả các giấy tờ liên quan đến việc vay tiền giữa anh M và vợ chồng bà thì anh M đều là người cất giữ, vợ chồng bà không giữ bất kỳ giấy tờ nào khác.

Nay anh M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà có trách nhiệm trả cho anh M tổng số tiền là 917.191.730 đồng (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 692.900.000 đồng, tiền nợ lãi tính từ ngày 21/01/2020 đến ngày 14/7/2023 với mức lãi suất 0,83%/tháng là 224.291.730 đồng) thì vợ chồng bà không đồng ý.

Vợ chồng bà chỉ đồng ý trả cho anh M số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Số tiền vợ chồng bà đã trả lãi số tiền là 74.000.000 đồng thì vợ chồng bà yêu cầu được căn trừ vào tiền lãi mà vợ chồng bà phải trả cho anh M.

Quá trình giải quyết vụ án thì chồng bà là ông K' Đ có biết việc Tòa án triệu tập làm việc nhưng do bận nên không đến Tòa án làm việc được.

Tại phiên tòa hôm nay, anh M yêu cầu vợ chồng ông K' Đ, bà Ka N có trách nhiệm liên đới trả số tiền 940.196.010 đồng (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 692.900.000 đồng, tiền nợ lãi tính từ 21/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (21/8/2023) là $692.900.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 43 \text{ tháng} = 247.296.010 \text{ đồng}$). Anh Mùi rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc ông K' Đ, bà Ka N thanh toán chi phí đi lại trong thời gian khởi kiện tại Tòa án với số tiền là 2.000.000 đồng.

Bị đơn ông K' Đ, bà Ka N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, thì Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn bà Ka N thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông K' Đ, bà Ka N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử xét xử vắng bị đơn là bảo đảm theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh M buộc bị đơn ông K' Đ, bà Ka N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn anh M số tiền 940.196.010 đồng (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 692.900.000 đồng, tiền nợ lãi tính từ 21/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (21/8/2023) là $692.900.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 43 \text{ tháng} = 247.296.010 \text{ đồng}$); đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ

yêu cầu khởi kiện của anh M về việc buộc ông K' Đ, bà Ka N trả chi phí đi lại trong thời gian khởi kiện tại Tòa án.

Về án phí: Buộc bị đơn ông K' Đ, bà Ka N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán; hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của anh M yêu cầu ông K' Đ, bà Ka N thanh toán nợ vay nên xác định quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, bị đơn ông K' Đ, bà Ka N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Đối với yêu cầu của anh M yêu cầu vợ chồng ông K' Đ, bà Ka N có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc là 692.900.000 đồng thì thấy rằng: Tại hợp đồng vay tiền ghi ngày 18/12/2019 thể hiện vợ chồng ông K' Đ, bà Ka N vay của anh Dương Văn M số tiền 692.900.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng, cam kết đến ngày 20/01/2020 sẽ trả nợ nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán; bà Ka N thừa nhận chữ ký, chữ viết, dấu lấn tay điểm chỉ trong hợp đồng vay tiền ghi ngày 18/12/2019 là của vợ chồng bà nhưng vợ chồng bà chỉ vay của anh M số tiền 400.000.000 đồng và giấy vay tiền ghi ngày 18/12/2019 là do anh M mang đến nhà bà bắt buộc, yêu cầu vợ chồng bà phải viết hợp đồng vay tiền với số tiền là 692.900.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh và trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông K' Đ, bà Ka N cũng không xuất trình chứng cứ nào thể hiện việc đã trả nợ cho anh M, anh M cũng không thừa nhận nên anh M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông K' Đ, bà Ka N có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc là 692.900.000 đồng là cơ sở chấp nhận.

[3.2.] Đối với yêu cầu trả lãi thì: Tại hợp đồng vay tiền ghi ngày 18/12/2019 giữa vợ chồng ông K' Đ, bà Ka N và anh Dương Văn M không thỏa thuận lãi suất

vay. Anh M yêu cầu vợ chồng ông K' Đ, bà Ka N có trách nhiệm trả lãi từ ngày 21/01/2020 (ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc) đến ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2023 là 43 tháng với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng); bà Ka N trình bày đã trả lãi cho anh M số tiền 74.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông K' Đ, bà Ka N cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện là đã trả cho anh M số tiền lãi là 74.000.000 đồng, anh M lại không thừa nhận nên yêu cầu trả lãi của anh M là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của anh M buộc vợ chồng ông K' Đ, bà Ka N trả số tiền 2.000.000 đồng chi phí đi lại trong thời gian khởi kiện tại Tòa án thì tại phiên tòa hôm nay, anh M rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này nên cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của anh M.

[5] Về án phí: Ông K' Đ, bà Ka N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán. Hoàn trả cho anh M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 469, 470 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn M về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với vợ chồng ông K' Đ, bà Ka N.

Xử:

1. Buộc bị đơn vợ chồng ông K' Đ, bà Ka N phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh Dương Văn M số tiền 940.196.010 (*Chín trăm bốn mươi triệu, một trăm chín mươi sáu nghìn không trăm mười*) đồng (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 692.900.000 (*Sáu trăm chín mươi hai triệu chín trăm nghìn*) đồng, tiền nợ lãi là 247.296.010 (*Hai trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi sáu nghìn không trăm mười*) đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành án cho đến khi

thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng vợ chồng ông K' Đ, bà Ka N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn M về việc yêu cầu vợ chồng ông K' Đ, bà Ka N thanh toán số tiền là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng chi phí đi lại trong thời gian khởi kiện.

2. Về án phí:

Buộc vợ chồng ông K' Đ, bà Ka N phải chịu 40.205.880 (*Bốn mươi triệu hai trăm linh lăm nghìn tám trăm tám mươi*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Dương Văn M số tiền 19.683.852 đồng (*Mười chín triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn tám trăm năm mươi hai*) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh M đã nộp theo biên lai thu số 0007162 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, anh M được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm; Riêng vợ chồng ông K' Đ, bà Ka N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (*Mười lăm*) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký và đóng dấu*)

Đoàn Văn Chiến